

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HĐ
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **109/2023/HNGĐ-ST**
Ngày: 20/7/2023
Tranh chấp ly hôn và nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HĐ, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Hoa;
Bà Hà Thị Kim Thu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang không tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 305/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn và nuôi con sau ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Th, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Tổ 2, ấp HT, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Quách Văn D, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp ST, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Th trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th và anh Quách Văn D đi đến hôn nhân là do hai người tự tìm hiểu và yêu thương nhau, sau đó tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân (UBND) xã NTS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyền số 01/2008 ngày 17/6/2018.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, thời gian sau chị và anh D phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân chủ yếu là do chị và anh D bất đồng quan điểm sống với nhau, nên thường xuyên cãi nhau. Đỉnh điểm là vào đầu năm 2022, trong một lần mâu thuẫn, cãi nhau, chị và anh D cũng đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay. Hiện chị Th thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không thể hàn gắn được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Quách Văn D.

- *Về quan hệ con chung*: Quá trình chung sống với nhau, chị và anh D có hai con chung tên Quách Thanh Kh, sinh ngày 07/10/2009 và Quách Thành Kh1, sinh ngày 02/02/2012. Hiện chị Th đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kh và cháu Kh1. Vì vậy, khi ly hôn chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kh, cháu Kh1 và chị không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Th xác nhận quá trình chung sống chị và anh D không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Quách Văn D trình bày tại bản tự khai ngày 21/6/2023 như sau:

Anh thống nhất với trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đúng. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Th, anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh D đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Th.

Về con chung: Anh thống nhất giao hai con chung tên Quách Thanh Kh, sinh ngày 07/10/2009 và Quách Thành Kh1, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị Th không có tài sản chung, nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn xin ly hôn chị Lê Thị Th yêu cầu được ly hôn và nuôi con với anh Quách Văn D. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn anh Quách Văn D có nơi cư trú tại ấp ST, xã NTS, huyện HD, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Lê Thị Th, bị đơn anh Quách Văn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX quyết định tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, HĐXX có cơ sở xác định: Chị Lê Thị Th và anh Quách Văn D xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2018 trên cơ sở tự nguyện, anh chị có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã NTS, huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số 01/2008 ngày 17/6/2018. Như vậy, hôn nhân giữa chị Th và anh D là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Th về việc xin ly hôn với anh D thấy rằng: Trong quá trình chung sống giữa chị Th và anh D có phát sinh mâu thuẫn, mà theo trình bày của chị Th và anh D tại bản tự khai là do bất đồng về quan điểm sống, nên dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, từ đó chị Th cùng hai người con chung đã không sống chung với anh D hơn 07 (bảy) tháng nay. Chị Th xác định trong thời gian chị và anh D sống ly thân với nhau, thì giữa chị và anh D không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa, cũng không thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án tiến hành giải thích pháp luật và động viên chị Th đoàn tụ gia đình, nhưng chị Th vẫn kiên quyết ly hôn với anh D. Đồng thời, anh D cũng có ý kiến đồng ý ly hôn với chị Th.

Từ đó thấy được mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh D đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc chị Th yêu cầu được ly hôn với anh D là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX chấp nhận cho chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Quách Văn D.

[3.2] *Về quan hệ con chung*: Chị Thoa và anh D có hai con chung tên Quách Thanh Kh, sinh ngày 07/10/2009 và Quách Thành Kh1, sinh ngày 02/02/2012. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Cả cháu Kh, cháu Kh1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ, khi cha mẹ ly hôn với

nhau và việc chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con cũng được anh D thống nhất. Vì vậy, HĐXX tiếp tục giao hai cháu tên Quách Thanh Kh, sinh ngày 07/10/2009 và Quách Thành Kh1, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Do các đương sự không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét.

[3.4] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Th và anh D xác nhận giữa chị và anh D không tài sản chung, nợ chung, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[4] *Về án phí*: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Lê Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Th được ly hôn với anh Quách Văn D.

2. Về quan hệ con chung: Giao hai cháu Quách Thanh Kh, sinh ngày 07/10/2009 và Quách Thành Kh1, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Lê Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không xét.

- Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Trong thời gian chị Lê Thị Th nuôi con, anh Quách Văn D được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Th phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009869 ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chị Th không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện HĐ;
- THADS huyện HĐ;
- UBND Xã NTS,
huyện HĐ, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Lâm Nguyễn Thanh Huy